Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1504.20.10

Mã HS	1504.20.10
Mô tả hàng hóa	Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ cá hoặc các loài động vật có vú sống ở biển, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ cá, trừ dầu gan cá: / - - Các phần phân đoạn thể rắn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:15:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15042010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1882
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1882
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1882
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1872
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1845
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1845
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1845
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1845
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1845
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1845
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1875
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1875

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1875
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1875
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1875
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1875
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1877
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1877
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1877
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1877
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1877
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1877
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1879
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1847
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1847
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1847
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1847
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1847
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1847
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1847
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1845
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1845
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1845
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1845
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1845
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1845
VCFTA	2022	2022	5	VC!D1886
VCFTA	2023	2023	5	VC!E1886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	5	VC!F1886
VCFTA	2025	2025	5	VC!G1886
VCFTA	2026	2026	5	VC!H1886
VCFTA	2027	2027	5	VC!I1886
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1885
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1885
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1885
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1885
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1885
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1885
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1891
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1891
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1891
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1891
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1891
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1891
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D1848
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E1848
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F1848
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G1848
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H1848
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1848
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D1850
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E1850
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F1850
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G1850

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H1850
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1850
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1848
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1848
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1848
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1848
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1848
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1848
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1848
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1877
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1877
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1877
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1877
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1877
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1877
RCEP B	2022	2022	0	B!D1877
RCEP B	2023	2023	0	B!E1877
RCEP B	2024	2024	0	B!F1877
RCEP B	2025	2025	0	B!G1877
RCEP B	2026	2026	0	B!H1877
RCEP B	2027	2027	0	B!I1877
RCEP C	2022	2022	0	C!D1877
RCEP C	2023	2023	0	C!E1877
RCEP C	2024	2024	0	C!F1877
RCEP C	2025	2025	0	C!G1877
RCEP C	2026	2026	0	C!H1877

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1877
RCEP D	2022	2022	0	D!D1877
RCEP D	2023	2023	0	D!E1877
RCEP D	2024	2024	0	D!F1877
RCEP D	2025	2025	0	D!G1877
RCEP D	2026	2026	0	D!H1877
RCEP D	2027	2027	0	D!I1877
RCEP E	2022	2022	0	E!D1880
RCEP E	2023	2023	0	E!E1880
RCEP E	2024	2024	0	E!F1880
RCEP E	2025	2025	0	E!G1880
RCEP E	2026	2026	0	E!H1880
RCEP E	2027	2027	0	E!I1880
RCEP F	2022	2022	0	F!D1877
RCEP F	2023	2023	0	F!E1877
RCEP F	2024	2024	0	F!F1877
RCEP F	2025	2025	0	F!G1877
RCEP F	2026	2026	0	F!H1877
RCEP F	2027	2027	0	F!I1877
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F1743
VIFTA	2025	2025	4	VI!G1743
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H1743
VIFTA	2027	2027	3	VI!I1743

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VCFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1504.20 có 2 dòng thuế; dòng 1504.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các phần phân đoạn thể rắn.	1504.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1504.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1504.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1882), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.